
CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73,380,060,363	54,772,089,816
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	803,570,327	846,560,470
1. Tiền	111		803,570,327	846,560,470
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		72,362,891,400	53,625,133,794
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	72,315,557,600	481,912,200
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3		23,030,250,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	47,333,800	30,112,971,594
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		167,878,519	163,993,547
1. Hàng tồn kho	141	V.5	167,878,519	163,993,547
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		45,720,117	136,402,005
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	12,300,000	12,300,000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			89,810,312

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	33,420,117	34,291,693
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		351,989,670,660	246,599,284,765
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		89,634,579,930	3,922,199,930
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	89,634,579,930	3,922,199,930
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		3,360,203,637	3,650,084,835
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	3,360,203,637	3,650,084,835
- Nguyên giá	222		5,335,124,014	5,335,124,014
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1,974,920,377)	(1,685,039,179)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	258,983,897,195	239,027,000,000

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
1. Đầu tư vào công ty con	251		9,800,000,000	9,800,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2,000,000,000	2,000,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		247,227,000,000	227,227,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(43,102,805)	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10,989,898	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		10,989,898	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		425,369,731,023	301,371,374,581
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		85,072,617,384	6,817,639,689
I. Nợ ngắn hạn	310		85,072,617,384	6,817,639,689
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	4,592,833,838	6,381,200,000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	112,368,528	
4. Phải trả người lao động	314		103,232,185	111,856,529
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	199,599,673	260,000,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		9,608,573	9,608,573
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		80,000,000,000	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		54,974,587	54,974,587
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		340,297,113,639	294,553,734,892
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	340,297,113,639	294,553,734,892
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180,000,000,000	180,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180,000,000,000	180,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2,863,107,311	2,863,107,311
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		157,434,006,328	111,690,627,581
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		111,690,627,581	105,535,527,716

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45,743,378,747	6,155,099,865
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		425,369,731,023	301,371,374,581

Người lập biểu



Hoàng Thanh Hồng

Kế toán trưởng



Phạm Thị Minh Thư

Lập ngày 27 tháng 07 năm 2020

Tổng giám đốc



Đặng Quang Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020**

Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A KĐT Vinhomes,
Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
QUÝ II NĂM 2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2020	Quý II/2019	Lý kế từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Lý kế từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
1	2	3	4	5	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	39,769,713,475	28,045,064,263	95,452,341,797	28,122,479,165
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		39,769,713,475	28,045,064,263	95,452,341,797	28,122,479,165
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	39,122,655,576	27,801,584,035	91,741,985,866	27,859,396,534
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		647,057,899	243,480,228	3,710,355,931	263,082,631
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	22,246,393,045	2,004,715,698	45,142,871,042	2,514,276,461
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,941,647,354	77,137,766	2,192,036,808	77,137,766
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,898,544,549	77,137,766	2,148,934,003	77,137,766
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	44,033,642		44,033,642	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	512,371,741	492,402,672	873,576,509	969,361,161
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		20,395,398,207	1,678,655,488	45,743,580,014	1,730,860,165

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2020	Quý II/2019	Lý kế từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Lý kế từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
1	2	3	4	5	4	5
11. Thu nhập khác	31					
12. Chi phí khác	32	VI.7	201,267		201,267	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(201,267)	0	(201,267)	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20,395,196,940	1,678,655,488	45,743,378,747	1,730,860,165
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		20,395,196,940	1,678,655,488	45,743,378,747	1,730,860,165
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu



Hoàng Thanh Hồng

Kế toán trưởng



Phạm Thị Minh Thư

Lập, ngày 27 tháng 07 năm 2020

Tổng giám đốc



Đặng Quang Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

QUÝ II NĂM 2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Lũy kế từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		32,567,398,894	35,406,301,424
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(115,863,213,303)	(133,277,709,516)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(498,343,281)	(568,736,241)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(2,164,334,330)	(77,137,766)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			(82,636,093)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		76,967,131,961	50,439,339,749
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(96,194,501,126)	(30,558,915,265)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(105,185,861,185)	(78,719,493,708)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20,000,000,000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		45,142,871,042	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		25,142,871,042	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			160,000,000,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		108,800,000,000	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(28,800,000,000)	(30,000,000,000)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết t minh	Lũy kế từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Lũy kế từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
1	2	3	4	5
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>80,000,000,000</i>	<i>130,000,000,000</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(42,990,143)	51,280,506,292
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		846,560,470	1,104,571,590
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		803,570,327	52,385,077,882

Người lập biểu



Hoàng Thanh Hồng

Kế toán trưởng




Phạm Thị Minh Thu

Lập, ngày 27 tháng 07 năm 2020

Tổng giám đốc

Đặng Quang Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** Thương mại và Dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh**
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
 - Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
 - Mua bán vật tư tiêu hao, phim ảnh, hóa chất y tế;
 - Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
 - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
 - Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị y tế;
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Cấu trúc doanh nghiệp:**

Các Công ty con, công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ	Số 30, Phố Ba Mỏ, Thị trấn Thanh Sơn, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ	98%	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế
Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ	1/57, Đường 30/4, KV2, Phường Lái Hiếu, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang	98%	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ cao Y tế Nha Trang	Số 2, đường 653B, Tổ 6, Thị trấn Khánh Vĩnh, Huyện Khánh Vĩnh, Tỉnh Khánh Hòa	40%	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế

Các công ty con, công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường.

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC cho Quý II/2020 chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020**
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	05

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, trích lập các quỹ, chia cổ tức

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020**
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

16. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam BẢO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	384.590.069	626.732.621
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	418.980.258	219.827.849
Cộng	803.570.327	846.560.470

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần tập đoàn quốc tế AIKO	44.876.753.000	-	-	-
Công ty cổ phần Sara Vũng Tàu	26.860.000.000	-	-	-
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Kiến Thụy	578.804.600	-	481.912.200	-
Cộng	72.315.557.600	-	481.912.200	-

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	0	-	13.000.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ	0	-	13.000.000.000	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	0	-	10.030.250.000	-
Công ty TNHH Môi trường Y tế Công nghệ cao	0	-	10.000.000.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt	0	-	30.250.000	-
Các nhà cung cấp khác				
Cộng	0	-	23.030.250.000	-

4. Các khoản phải thu khác

a) Ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	0	-	30.093.971.594	-
Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ- cổ tức lợi nhuận được chia	0	-	4.103.879.961	-
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ cao Y tế Nha trang- cổ tức lợi nhuận được chia	0	-	16.485.974.617	-
Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ- cổ tức lợi nhuận được chia	0	-	9.504.117.016	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	47.333.800	-	19.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	19.000.000	-	19.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản tạm ứng	28.333.800		0	
Cộng	47.333.800	-	30.112.971.594	-

b) Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu của các tổ chức – cá nhân	89.634.579.930		3.922.199.930	
Công ty cổ phần Sara Phú Thọ (a)	3.922.199.930		3.922.199.930	
Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Aiko (b)	27.698.400.000		0	
Công ty cổ phần Sara Vũng Tàu (c)	58.013.980.000		0	
Cộng	89.634.579.930		3.922.199.930	

(a) Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ trong Dự án “Khu xử lý tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm không khói” theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1808/2016/HĐHTKD-SRAPT ngày 15 tháng 11 năm 2016, tổng vốn dự kiến của Dự án là 78.443.998.595 VND, trong đó Công ty Cổ phần Sara Việt Nam góp 3.922.199.930 VND tương đương 5% tổng vốn; thời gian 50 năm, tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận là 5:95.

(b) Là khoản Công ty CP Sara Việt Nam góp tiền vào Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Aiko cho dự án lắp đặt Hệ thống máy Spect tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2020/HĐHT/SRAVN-AIKO với ký ngày 08 tháng 05 năm 2020 với số tiền 27.698.400.000 tỷ lệ vốn góp là 60%, đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 công ty đã góp đủ số tiền 27.698.400.000

(c) Là khoản Công ty CP Sara Việt Nam góp tiền vào Công ty cổ phần Sara Vũng Tàu của dự án “Khu xử lý tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm – không khói trên địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu” tại xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành theo hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 02/2020/HĐHT/SRAVN-SRAVT ngày 05 tháng 06 năm 2020 với số vốn góp là: 58.013.980.000 với tỷ lệ vốn góp là 47% , đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 công ty đã góp đủ 58.013.980.000.

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng hóa	167.878.519	-	163.993.547	-
Cộng	167.878.519	-	163.993.547	-

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Chi phí thuê văn phòng	12.300.000		12.300.000	
Cộng	12.300.000		12.300.000	

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Là giá trị máy móc thiết bị, chi tiết phát sinh trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	5.335.124.014	(1.685.039.179)	3.650.084.835
Tăng mua trong năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	(289.881.198)	(289.881.198)
Số cuối kỳ	5.335.124.014	(1.974.920.377)	3.360.203.637

8. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty con	9.800.000.000	-	9.800.000.000	-
Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ (a)	4.900.000.000	-	4.900.000.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ (b)	4.900.000.000	-	4.900.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ cao Y tế Nha Trang (c)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	247.227.000.000	-	227.227.000.000	-
Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ (d)	204.227.000.000	-	184.227.000.000	-
Công ty Quản lý quỹ Bông Sen (e)	43.000.000.000	-	43.000.000.000	-
Cộng	259.027.000.000		239.027.000.000	

(a): Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600985779 ngày 21 tháng 8 năm 2017 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 04 tháng 6 năm 2018; tổng giá trị 4.900.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.

(b): Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300290910 ngày 07 tháng 8 năm 2017 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp, tổng giá trị 4.900.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.

(c): Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Ứng dụng công nghệ cao Y tế Nha Trang theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201756523 ngày 23 tháng 8 năm 2017 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, tổng giá trị 4.900.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sara Việt nam số 3110/2019/NQHĐQT/SRA ký ngày 31/10/2019 quyết định thoái 290.000 cổ phần của Công ty Cổ phần ứng dụng Công nghệ Cao y tế Nha Trang với tổng giá trị chuyển nhượng là 2.900.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0111/2019/HĐCNCNP ký ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Sara Việt Nam và Bà Phan Thị Thủy. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 Công ty Cổ phần Sara Việt Nam góp 2.000.000.000 VND tương đương với 40% vốn điều lệ; do đó Công ty Cổ phần Ứng dụng công nghệ cao Y tế Nha Trang từ công ty con trở thành công ty liên kết của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam.

(d) Là khoản đầu tư vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ để đầu tư xây dựng Trung tâm sản Nhi thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng góp vốn số 01/2019/HĐ/BVĐKPT-SRA ngày 23 tháng 9 năm 2019, thời hạn góp là 36 năm. Công ty được cấp Giấy chứng nhận góp vốn tương ứng với

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

từng lần góp vốn. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty đã góp vốn vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ là 204.227.000.000 VND.

(e) Là khoản ủy thác đầu tư cho Công ty Quản lý Quỹ Bông Sen thực hiện các hoạt động đầu tư theo Hợp đồng Quản lý đầu tư số 12/19-03 ký ngày 26 tháng 12 năm 2019, số tiền 43.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty Quản lý Quỹ Bông Sen đã đầu tư toàn bộ số tiền trên để mua 4.300.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư bệnh viện Sara.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Thiết bị và Dụng cụ Y Khoa 3P	4.268.700.000	6.268.700.000
Công ty chứng khoán ngân hàng Đông Á	59.500.000	59.500.000
Công ty CPTV công nghệ TB và kiểm định XD conico	53.000.000	53.000.000
Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ bảo vệ HNK	38.926.989	0
Phải trả nhà cung cấp khác	172.706.849	0
Cộng	4.592.833.838	6.381.200.000

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng.	-	-	98.656.642	-	98.656.642	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	33.420.117	-	-	-	33.420.117
Thuế thu nhập cá nhân	-	871.576	19.730.981	5.147.519	13.711.886	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng		34.291.693	121.387.623	8.147.519	112.368.528	33.420.117

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu bán vật tư, thiết bị y tế 5%
- Doanh thu cung cấp dịch vụ xét nghiệm, chiếu, chụp liên kết với các bệnh viện Không chịu thuế
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phí ủy thác đầu tư		215.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	0	45.000.000
Cộng	0	260.000.000

12. Vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư và phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	180.000.000.000	2.863.107.311	39.782.199.975	222.645.307.286
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	71.908.427.606	71.908.427.606
Số dư cuối năm trước	180.000.000.000	2.863.107.311	111.690.627.581	294.553.734.892
Số dư đầu năm nay	180.000.000.000	2.863.107.311	111.690.627.581	294.553.734.892
Tăng vốn bằng tiền (*)	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	45.743.378.747	45.743.378.747
Số dư cuối kỳ	180.000.000.000	2.863.107.311	157.434.006.328	340.297.113.639

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.000.000	18.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	18.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý II/2020</u>	<u>Quý II/2019</u>
Doanh thu bán hàng hóa	39.690.402.000	27.974.183.202
Doanh thu cung cấp dịch vụ	79.311.475	70.881.061
Cộng	39.769.713.475	28.045.064.263

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý II/2020</u>	<u>Quý II/2019</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	39.064.843.077	27.801.584.035
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	57.812.499	-
Cộng	39.122.655.576	27.801.584.035

3. Doanh thu hoạt động tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quý II/2020</u>	<u>Quý II/2019</u>
Lãi tiền gửi	169.757	4.715.698
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.246.223.288	2.000.000.000
Cộng	<u>22.246.393.045</u>	<u>2.004.715.698</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý II/2020</u>	<u>Quý II/2019</u>
Chi phí lãi vay	1.898.544.549	77.137.766
Cộng	<u>1.898.544.549</u>	<u>77.137.766</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý II/2020</u>	<u>Quý II/2019</u>
	44.033.642	-
Cộng	<u>44.033.642</u>	<u>-</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý II/2020</u>	<u>Quý II/2019</u>
	512.371.741	492.402.672
Cộng	<u>512.371.741</u>	<u>492.402.672</u>

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Quý II/2020</u>	<u>Quý II/2019</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.395.196.940	1.678.655.488
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>		
- Các khoản điều chỉnh giảm	(22.246.223.288)	(2.000.000.000)
<i>Cổ tức được nhận từ công ty con</i>	(22.246.223.288)	(2.000.000.000)
Thu nhập chịu thuế	(1.851.026.348)	(321.344.512)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Doanh nghiệp bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020**
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2019.

Lập ngày 27 tháng 07 năm 2020

Người lập biểu



Hoàng Thanh Hồng

Kế toán trưởng



Phạm Thị Minh Thư

Tổng Giám đốc



Đặng Quang Nam